

2.2. Quy định về mùn khoan và dung dịch khoan nền không nước

2.2.1. Dung dịch khoan nền không nước được phép sử dụng tại vùng biển Việt Nam khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Giá trị của thủy ngân, cadimi trong barit và PAHs, khả năng phân rã sinh học của dung dịch nền dùng để pha dung dịch khoan nền không nước đáp ứng quy định tại Bảng 2 sau đây:

Bảng 2: Giá trị cho phép của thủy ngân, cadimi trong barit; PAHs và khả năng phân rã sinh học của dung dịch nền dùng để pha dung dịch khoan nền không nước

STT
Thông số
Đơn vị
Giá trị giới hạn
1

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279** **DD: 0906 22 99 66**

mg/kg khối lượng khô

≤ 1,0

2

Cadimi trong barit

mg/kg khối lượng khô

≤ 3,0

3

Các hợp chất hydrocacbon thơm đa vòng PAHs (Polycyclic Aromatic Hydrocarbons) trong dung dịch nền

mg/kg

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279** **DD: 0906 22 99 66**

Khả năng phân rã sinh học của dung dịch nền

%

≥ 50

b) Dung dịch khoan nền không nước phải đảm bảo độ độc trầm tích (LC_{50}) đạt giá trị ≥ 10.000 mg/kg trên sinh vật thí nghiệm là vẹm xanh trong 96 giờ.

2.2.2. Mùn khoan phát sinh trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí sử dụng dung dịch khoan nền không nước chỉ được phép thải xuống vùng biển Việt Nam khi đảm bảo hàm lượng dung dịch nền của dung dịch khoan nền không nước bám dính trong mùn khoan thải không vượt quá 9,0% tính theo khối lượng ướt.

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Phương pháp xác định các giá trị giới hạn của các thông số quy định tại mục 2.1 và mục 2.2 Quy chuẩn này được thực hiện theo quy định tại Bảng 3 sau đây:

Bảng 3: Phương pháp quan trắc các thông số trong barit, dung dịch nền, dung dịch khoan và mùn khoan

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279 DD: 0906 22 99 66**

Thông số

Phương pháp xác định, số hiệu tiêu chuẩn, tên tiêu chuẩn

(1)

(2)

(3)

1

Thủy ngân

- TCVN 6649:2000 (ISO 11466:1995) - Chất lượng đất - Chiết các nguyên tố vết tan trong nước cường thủy.

- TCVN 8885:2011 (ISO 22036:2008) - Chất lượng đất - Xác định nguyên tố vết trong dịch chiết đất bằng phổ phát xạ nguyên tử Plasma cặp cảm ứng.

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279** **DD: 0906 22 99 66**

- TCVN 8885:2011 (ISO 22036:2008) - Chất lượng đất - Xác định nguyên tố vết trong dịch chiết đất bằng phổ phát xạ nguyên tử Plasma cặp cảm ứng.
- TCVN 8882:2011 (ISO 16772:2004) - Chất lượng đất - Xác định thủy ngân trong dịch chiết đất cường thủy dùng phổ hấp thụ nguyên tử hơi - lạnh hoặc phổ hấp thụ nguyên tử huỳnh quang hơi - lạnh.
- EPA Method 3050B - Acid digestion of sediments, sludges and soils.
- EPA Method 200.7 - Determination of metals and trace elements in water and wastes by Inductively coupled plasma-atomic emission spectrometry.
- EPA Method 7471B - Mercury in Solid or semisolid waste (Manual cold - vapor technique).
- ISO 10416:2008 (mục 8) - Petroleum and natural gas industries - Drilling fluids - Laboratory testing.
- SMEWW 3112B: 2023 - Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater - Metals By Cold- Vapor Atomic Absorption Spectrometric Method.

2

Cadimi

...
...
...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279** **DD: 0906 22 99 66**

- EPA Method 3050B - Acid digestion of sediments, sludges and soils.
- EPA Method 200.7 - Determination of metals and trace elements in water and wastes by Inductively coupled plasma-atomic emission spectrometry.
- ISO 10416:2008 - (mục 9) - Petroleum and natural gas industries - Drilling fluids - Laboratory testing.

3

Các hợp chất hydrocacbon thơm đa vòng PAHs (Polycyclic Aromatic Hydrocarbons)

- EPA Method 1654A - PAH Content of Oil by HPLC/UV.
- EPA Method 8270E - Semivolatile organic compounds by gas chromatography/mass spectrometry.
- EPA Method 8275A - Semivolatile organic compounds (PAHs and PCBs) in Soils/Sludges and Solid wastes using thermal extraction/gas chromatography/mass spectrometry (TE/GC/MS).
- EPA method 8310 - Polynuclear aromatic hydrocarbons.

...
...
...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279 DD: 0906 22 99 66**

- SMEWW 6440B:2023 - Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater- Polynuclear aromatic hydrocarbons - Liquid - Liquid Extraction Chromatographic method (B).

- SMEWW 6440C:2023 - Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater- Polynuclear aromatic hydrocarbons - Liquid - Liquid Extraction Gas Chromatographic/ Mass spectrometric method (C).

4

Độ độc trầm tích

- ASTM E1367 - 03 (2014) - Standard Test Method for Measuring the Toxicity of Sediment - Associated Contaminants with Estuarine and Marine Invertebrates.

- SMEWW 8610, 8740 A-D: 2023 - Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater - Mollusks, Decapods.

5

Khả năng phân rã sinh học

- OECD 306 - Biodegradability in Seawater.

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279 DD: 0906 22 99 66**

- EPA Method 1647 (đã được điều chỉnh từ tiêu chuẩn ISO 11734:1995) - Protocol for the Determination of Degradation of Non - aqueous base fluids in a marine closed bottle biodegradation.

6

Dung dịch nền trong mùn khoan thải (Hàm lượng dầu)

- EPA Method 1674 - Determination of the amount of non- aqueous drilling fluid (NAF) base fluid from drill cutting by a Retort chamber.

- ISO 10414 - 2: 2011 - Petroleum and natural gas industries field testing of drilling fluids - Part 2- Oil- based fluids - Annex B - Determination of oil and water retained on cuttings.

Trường hợp một chất ô nhiễm cho phép sử dụng nhiều phương pháp thử nghiệm (phân tích) khác nhau và cần phương pháp trọng tài để xử lý khi xảy ra tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện thì sử dụng phương pháp thử nghiệm xếp đầu tiên tại cột 3 Bảng 3 Quy chuẩn này.

3.2. Chấp thuận các phương pháp thử nghiệm khác (chưa được viện dẫn tại cột 3 Bảng 3 Quy chuẩn này), bao gồm: TCVN mới ban hành; phương pháp tiêu chuẩn quốc gia của một trong các quốc gia thuộc Nhóm các quốc gia công nghiệp phát triển (G7), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Châu Âu (CEN/EN), các quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu, Hàn Quốc hoặc Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) hoặc các phương pháp chuẩn thử nghiệm nước và nước thải (Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater - SMEWW).

4. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Việc sử dụng dung dịch khoan nền nước được đánh giá là tuân thủ và phù hợp với Quy chuẩn này khi kết quả phân tích của thủy ngân và cadimi trong barit dùng để pha dung dịch khoan không vượt quá giá trị giới hạn cho phép quy định tại Bảng 1 Quy chuẩn này.

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279 DD: 0906 22 99 66**

4.3. Trước mỗi chiến dịch khoan, chủ đầu tư dự án thăm dò, khai thác dầu khí trên biển tiến hành thử nghiệm các thông số trong barit, dung dịch nền và dung dịch khoan theo các quy định tại mục 2.1 và mục 2.2.1 Quy chuẩn này.

4.4. Tần suất quan trắc mùn khoan thải khi sử dụng dung dịch khoan nền không nước: 02 lần/ngày tại công trình thăm dò, khai thác dầu khí ngay trước thời điểm thải mùn khoan xuống biển.

4.5. Phương thức đánh giá sự tuân thủ và phù hợp với Quy chuẩn này được thực hiện thông qua phân tích mẫu barit, mẫu dung dịch nền để pha dung dịch khoan và mẫu dung dịch khoan.

4.6. Việc xác định các thông số liên quan đến môi trường trong dung dịch khoan và mùn khoan thải để cung cấp thông tin, số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước phải được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định pháp luật.

4.7. Kết quả phân tích mẫu barit, mẫu dung dịch nền để pha dung dịch khoan và dung dịch khoan cho mỗi đợt sử dụng và xả thải được dùng để đánh giá sự tuân thủ và phù hợp so với Quy chuẩn này và là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Dung dịch khoan nền nước chỉ sử dụng khi tuân thủ các quy định tại mục 2.1 Quy chuẩn này.

5.2. Dung dịch khoan nền không nước chỉ sử dụng khi tuân thủ các quy định tại mục 2.2.1 Quy chuẩn này.

5.3. Mùn khoan phát sinh trong hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí sử dụng dung dịch khoan nền không nước khi thải xuống vùng biển Việt Nam phải đáp ứng quy định tại mục 2.2.2 Quy chuẩn này.

...

...

...

Bạn phải [đăng nhập](#) hoặc [đăng ký](#) Thành Viên **TVPL Pro** để sử dụng được đầy đủ các tiện ích gia tăng liên quan đến nội dung TCVN.

Mọi chi tiết xin liên hệ: **ĐT: (028) 3930 3279 DD: 0906 22 99 66**

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

6.2. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn tại Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản, quy

định mới/.